

Bản án số: **298/2026/DS-PT**  
Ngày 31 - 3 - 2026  
V/v tranh chấp chia thừa kế QSDĐ

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Ninh Quang Thế**  
*Các Thẩm phán:* Ông **Đỗ Cao Khánh**  
Bà **Tiêu Hồng Phượng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Ngọc Chơn** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau** tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Hồng** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 782/2025/TLPT-DS ngày 29/12/2025 về tranh chấp chia thừa kế QSDĐ.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 347/2025/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1961; Số CCCD 096161003099, cấp ngày 26/12/2022. Địa chỉ cư trú: Ấp, xã S, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện hợp pháp của bà N:* Ông **Dương Thanh Q**, sinh năm 1956. Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã P, tỉnh Cà Mau, theo hợp đồng uỷ quyền ngày 01/7/2024 (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966; Số CCCD 096066009667, cấp ngày 09/8/2021. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện hợp pháp của ông T:* Ông **Trần Hoàng G**, sinh năm 1969; Số CCCD 096069010877, cấp ngày 10/8/2021. Địa chỉ: Khóm G, phường T, tỉnh Cà Mau, theo hợp đồng uỷ quyền ngày 24/9/2024 (có mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1951. Địa chỉ cư trú: Khóm D, phường T, tỉnh Cà Mau.

*Người đại diện hợp pháp của ông C:* Bà Huỳnh Thị D, sinh năm 1953. Địa chỉ cư trú: Khóm D, phường T, tỉnh Cà Mau, theo hợp đồng uỷ quyền ngày 10/9/2025 (có mặt).

2 Bà **Nguyễn Thị N1**, sinh năm 1957. Địa chỉ cư trú: Khu phố T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1955. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

4. Bà **Nguyễn Tuyết M**, sinh năm 1969 (vợ ông T) (có mặt). Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau.

5. Bà **Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1968. Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã P, tỉnh Cà Mau (có mặt).

6. Bà **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1975; Số CCCD 096175001832, cấp ngày 14/7/2022. Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

7. Anh **Nguyễn Hoàng T2**, sinh năm 1999; Số CCCD 096099001342, cấp ngày 09/9/2022. Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường A, tỉnh Cà Mau.

8. Chị **Nguyễn Ngọc Y**, sinh năm 1997; Số CCCD 096197001435, cấp ngày 09/9/2022. Địa chỉ cư trú: Hẻm C, đường M, phường C, thành phố Cần Thơ.

9. Ông **Trịnh Văn L**, sinh năm 1977.

10. Bà **Lê Thị P**, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã K, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền ông Dương Thanh Q trình bày:* Cha mẹ của bà N là cụ Nguyễn Hữu N3, sinh năm 1925, chết ngày 01/4/1996 và cụ Trần Thị Đ, sinh năm 1930, chết ngày 09/5/2022. Sinh thời hai cụ có tạo lập nhiều phần đất đã phân chia, hiện còn lại hai phần đất có tổng diện tích khoảng 30.456m<sup>2</sup>. Phần đất thứ 1 diện tích khoảng 18.144m<sup>2</sup>, tại ấp K và phần đất thứ 2 diện tích khoảng 12.312m<sup>2</sup>, tại ấp C, đều thuộc xã K, tỉnh Cà Mau. Cả hai phần đất, cụ N3 và cụ Đ chưa được cấp Giấy chứng nhận, cụ Đ có tên tại Sổ mục kê ruộng đất. Khi cụ N3 chết, các phần đất nêu trên do cụ Đ quản lý, sau đó bà N quản lý. Thời gian gần đây, ông Nguyễn Văn T trở về phần đất của cụ Đ và quản lý đất cho đến nay, bà N có yêu cầu ông T hợp anh chị em để phân chia đều phần đất nhưng ông T không đồng ý. Nay, bà N yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế theo pháp luật phần đất tổng diện tích khoảng 30.456m<sup>2</sup> của cụ Đ thành 07 kỷ phần, bà N được hưởng 01 kỷ phần bằng 4.350,85m<sup>2</sup>.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn T, người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền ông Trần Hoàng G trình bày:* Thời gian cụ N3 và cụ Đ chết, đúng như bà N trình bày. Khi hai cụ còn sống có tạo lập nhiều phần đất, hiện nay chỉ còn 02 phần có tổng diện tích khoảng 30.456m<sup>2</sup>. Phần đất thứ 1 diện tích khoảng 18.144m<sup>2</sup>, tọa lạc tại

ấp K và phần đất thứ 2 diện tích khoảng 12.312m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp C, đều thuộc xã K, tỉnh Cà Mau. Phần đất tại ấp K, lúc còn sống cụ Đ đã lập hợp đồng tặng cho ông Nguyễn Văn T, ông T đã được cấp Giấy chứng nhận ngày 09/6/2017, còn phần đất ở ấp C, cụ Đ chưa được cấp Giấy chứng nhận, khi cụ Đ chết các anh chị em thống nhất giao phần đất này cho ông T quản lý để dùng vào việc thờ cúng. Nay, ông T không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị N1 trình bày tại Bản tự khai ngày 21/5/2025: Năm 1955, cụ N3 và cụ Đ có khai phá nhiều thửa đất thuộc ấp K và ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Năm 1996, cụ N3 chết để lại phần đất cho cụ Đ tiếp tục quản lý, sử dụng. Khi các con của cụ N3 và cụ Đ có vợ chồng đều được cha mẹ tặng cho đất để canh tác. Sau khi tặng đất cho các con, cụ Đ chừa lại phần đất tại ấp C Mỹ dùng làm đất hương hoả, hiện phần đất này do ông T quản lý dùng vào việc thờ cúng, chăm sóc mồ mã cha mẹ, anh chị em đã chết. Cho nên bà N1 không đồng ý về việc yêu cầu chia thừa kế, yêu cầu Tòa án giao phần đất này cho ông T quản lý để dùng vào việc thờ cúng, chăm sóc mồ mã.

Ông Nguyễn Văn C trình bày tại Bản tự khai ngày 22/5/2025: Năm 1955, cụ N3 và cụ Đ có khai phá nhiều thửa đất thuộc ấp K và ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Năm 1996, cụ N3 chết để lại phần đất cho cụ Đ tiếp tục quản lý, sử dụng. Khi các con của cụ N3 và cụ Đ có vợ chồng đều được hai cụ tặng cho đất để canh tác. Sau khi tặng đất cho các con, cụ Đ chừa lại phần đất tại ấp C Mỹ dùng làm đất hương hoả, hiện phần đất này do ông T quản lý dùng vào việc thờ cúng, chăm sóc mồ mã cha mẹ, anh chị em đã chết. Cho nên ông C không đồng ý về việc yêu cầu chia thừa kế, yêu cầu Tòa án giao phần đất này cho ông T quản lý để dùng vào việc thờ cúng, chăm sóc mồ mã.

Bà Nguyễn Thị T1 trình bày tại Bản tự khai ngày 23/5/2025: Năm 1955, cụ N3 và cụ Đ có khai phá nhiều thửa đất thuộc ấp K và ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Năm 1996, cụ N3 chết để lại phần đất cho cụ Đ tiếp tục quản lý, sử dụng. Khi các con của cụ N3 và cụ Đ có vợ chồng đều được hai cụ tặng cho một phần đất để canh tác. Sau khi tặng đất cho các con, cụ Đ chừa lại phần đất tại ấp C Mỹ dùng làm đất hương hoả, hiện phần đất này do ông T quản lý dùng vào việc thờ cúng, chăm sóc mồ mã cha mẹ, anh chị em đã chết. Cho nên, tôi (T1) không đồng ý về việc yêu cầu chia thừa kế, yêu cầu Tòa án giao phần đất này cho ông Nguyễn Văn T quản lý để dùng vào việc thờ cúng, chăm sóc mồ mã.

Bà Nguyễn Thị K trình bày tại Đơn yêu cầu ngày 25/8/2025: Di sản của cụ Đ có tổng diện tích khoảng 30.456m<sup>2</sup>, phần đất thứ 1 diện tích khoảng 18.144m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp K và phần đất thứ 2 diện tích khoảng 12.312m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại ấp C, đều thuộc xã K, tỉnh Cà Mau. Cụ Đ chết không có để lại di chúc, hiện phần đất do ông T quản lý. Tôi (K) là vợ ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971, chết ngày 18/01/2005 là con cụ N3 và cụ Đ, nên được hưởng một phần thừa kế. Do đó, tôi (K) yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của cụ Trần Thị Đ tổng diện tích khoảng 30.456m<sup>2</sup> cho 07 người, tôi (K) được hưởng diện tích đất 4.350,85m<sup>2</sup>.

Bà Nguyễn Thị N2 trình bày tại Đơn yêu cầu ngày 25/8/2025: Di sản của cụ Đ có tổng diện tích khoảng 30.456m<sup>2</sup>, phần đất thứ 1 diện tích khoảng 18.144m<sup>2</sup>, đất toạ lạc tại ấp K và phần đất thứ 2 diện tích khoảng 12.312m<sup>2</sup>, đất toạ lạc tại ấp C, đều thuộc xã K, tỉnh Cà Mau. Cụ Trần Thị Đ chết không có để lại di chúc, hiện phần đất do ông T quản lý. Tôi (N2) là con cụ N3 và cụ Đ, nên được hưởng một phần thừa kế. Do đó, tôi (Nhớ) yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của cụ Trần Thị Đ tổng diện tích khoảng 30.456m<sup>2</sup> cho 07 người, tôi (N) được hưởng diện tích đất 4.350,85m<sup>2</sup>.

*Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 347/2025/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực - 3 Cà Mau đã Quyết định:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N và một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N2 và bà Nguyễn Thị K.

Xác định diện tích đất 12.709,7m<sup>2</sup> (loại đất trồng lúa - LUC), thuộc thửa 710 và một phần thửa số 537, tờ bản đồ số 01, bản đồ chỉnh lý năm 2022, phần đất toạ lạc tại ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau, là di sản của cụ Nguyễn Hữu N3 và cụ Trần Thị Đ.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Tuyết M có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị N giá trị bằng tiền là 125.281.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm tám mươi một đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Tuyết M có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị N2 giá trị bằng tiền là 125.281.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm tám mươi một đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Tuyết M có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị K giá trị bằng tiền là 125.281.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm tám mươi một đồng).

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Tuyết M được quyền sử dụng diện tích đất 12.709,7m<sup>2</sup> (loại đất trồng lúa - LUC), thuộc thửa 710 và một phần thửa số 537, tờ bản đồ số 01, bản đồ chỉnh lý năm 2022, phần đất toạ lạc tại ấp C, xã K, tỉnh Cà Mau – kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 14/3/2025. Sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Tuyết M được quyền liên hệ đến Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N và một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N2 và bà Nguyễn Thị K về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật diện tích đất và tài sản gắn liền với diện tích đất 14.745m<sup>2</sup>, thửa đất số 350, tờ bản đồ số 02, diện tích 7.000m<sup>2</sup> (đất ở 300m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 6.700m<sup>2</sup>), thửa đất số 349, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.442m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 351, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.303m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm), phần đất toạ lạc tại ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Cùng ngày 28/11/2025 bà N, bà N2, bà K, ông C cùng kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho đất giữa cụ Đ với ông T đối với phần đất diện tích 14.745m<sup>2</sup> tại ấp K và yêu cầu phân chia thừa kế cả hai phần đất đều cho tất cả anh em, xin nhận di sản là đất. Riêng ông C có thêm yêu cầu được nhận di sản không đồng ý cho ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Q cho rằng trước khi ông T về đó sống thì cụ Đ sống với bà S1, lúc hòa giải ông thấy cụ Đ được cấp QSDĐ chỉ có 7.000m<sup>2</sup>, đến nay thì lại có 3 giấy chứng nhận QSDĐ, những giấy sau này không biết ở đâu ra, việc cụ Đ được cấp QSDĐ các anh em không ai biết, việc cụ Đ lập hợp đồng tặng cho ông T, khi Tòa án sơ thẩm xuống phần đất thẩm định cây cối, nhà cửa, nhưng do có tranh chấp với các hộ xung quanh nên không đo được đất, yêu cầu HĐXX chia thừa kế cả hai phần đất theo quy định của pháp luật. Bà K, N2, D đều xác định cụ Đ được cấp QSDĐ ở K các bà không biết, việc cụ Đ tặng cho đất cho ông T các bà cũng không biết, các bà yêu cầu chia thừa kế cả hai phần đất ở ấp K và ấp C theo quy định của pháp luật.

Ông G cho rằng cụ Đ được cấp QSDĐ năm 1995 đứng tên cá nhân cụ, đến năm 2012 cụ đổi giấy chứng nhận QSDĐ nhưng ủy ban lại cấp cho hộ gia đình cụ Đ, tại thời điểm cấp hộ khẩu của gia đình cụ chỉ có cụ Đ bà bà S1, năm 2015 bà S1 chết, đến năm 2017 cụ Đ tặng cho phần đất ở K cho ông T, hồ sơ tặng cho phù hợp quy định của pháp luật nên kiến nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về tố tụng HĐXX và các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của bộ luật TTDS; Về nội dung: Phần đất ở ấp K cụ Đ được cấp QSDĐ năm 2012 gồm 3 giấy chứng nhận đều đứng tên hộ gia đình cụ Đ, năm 2017 cụ tặng cho đất cho ông T cần phải có ý kiến hộ gia đình, cấp sơ thẩm chưa ghi lời khai những người trong hộ gia đình cụ Đ thời điểm cho, là thiếu sót không thể khắc phục được tại phiên tòa phúc thẩm, nên kiến nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 347/2025/DS-ST ngày 18/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án khu vực 3 – Cà Mau xét xử lại.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về hình thức, về nội dung và thời hạn kháng cáo được các ông, bà Nga N4, K, C thực hiện đúng quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật TTDS, nên HĐXX xem xét yêu cầu kháng cáo của các ông, bà theo trình tự phúc thẩm. Về thẩm quyền, cấp sơ thẩm xác định đúng thẩm quyền và thụ lý giải quyết đúng quy định tại Điều 26, 35 Bộ luật TTDS.

Hai phần đất mà các đương sự yêu cầu chia thừa kế có vị trí một phần tại ấp C chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ, một phần tại ấp K đã được cấp QSDĐ,

cả hai phần đều thuộc xã K, tỉnh Cà Mau. Phần đất các đương sự kháng cáo yêu cầu chia thừa kế là phần đất tại ấp K.

[2] Các đương sự kháng cáo có cùng nội dung là yêu cầu chia thừa kế cả hai phần đất, nên HĐXX xem xét kháng cáo của các đương sự cùng lúc. Kháng cáo của các đương sự về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa cụ Đ với ông Tào thiết L1 ngày 04/5/2017 (BL 268, 269), về mặt hình thức và nội dung hợp đồng được thiết lập theo mẫu quy định của Bộ T4, có chứng thực của UBND xã, hợp đồng chuyển nhượng này phù hợp quy định của Luật đất đai và Bộ luật dân sự. Tuy nhiên tại thời điểm tặng cho phần đất cụ Đ tặng cho ông T theo giấy chứng nhận QSDĐ đứng tên hộ gia đình cụ Đ (BL 257,258,259), theo quy định nếu là đất cấp cho hộ gia đình thì việc tặng cho phải có sự đồng ý của cả hộ gia đình. Tuy nhiên xem xét sâu vào hồ sơ cấp QSDĐ cho cụ Đ, thì các phần đất này thời gian trước đó cụ Đ đã được cấp QSDĐ ngày 20/01/1995 thể hiện tại (BL 248), thời điểm này phần đất đứng tên cá nhân cụ Đ, do QSDĐ của cụ cấp chung gồm nhiều thửa, thời hạn sử dụng đất của các thửa khác nhau, trong đó có hai thửa thời hạn sử dụng 10 năm, đến 2005 hết hạn, nên cụ đã lập thủ tục xin cấp đổi lại giấy chứng nhận QSDĐ (BL 229 đến 247) theo hồ sơ này đều thể hiện cá nhân cụ Đ xin cấp đổi lại giấy chứng nhận QSDĐ, đến khi Phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện T lập tờ trình UBND huyện Trần Văn T3 giao đất thì lại ghi giao cho hộ bà Trần Thị Đ, căn cứ vào đó UBND huyện ban hành Quyết định giao đất và cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ bà Đ (BL 257,258,259), đây là thiếu sót của cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, vấn đề thiếu sót này không chỉ thuộc trường hợp của cụ Đ, mà nó tồn tại rất nhiều trường hợp trên phạm vi toàn tỉnh, vấn đề khắc phục chung đã được Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh C có ý kiến chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan rà soát hồ sơ lưu việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ nếu có sai sót hướng dẫn cho người được cấp giấy xin điều chỉnh lại (*Thể hiện tại Thông báo số 119/TB-STNMT ngày 04/4/2018 của Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh C*). Mặt khác tại thời điểm tặng cho đất tuy đứng tên hộ gia đình cụ Đ nhưng theo hộ khẩu gia đình cụ Đ tại thời điểm này chỉ có tên cụ Đ và bà S1 (Bà S1 chết năm 2015 không có chồng, con) (*tại phiên tòa người đại diện của ông T cung cấp sổ hộ khẩu của hộ gia đình cụ Đ*), như vậy khi cụ Đ tặng cho đất ông T, thì chỉ cần một mình cụ Đ ký tặng cho là đủ, cho nên việc tặng cho đất của cụ Đ là phù hợp quy định của pháp luật, nên kháng cáo của bà N, bà N4, bà K, ông C về việc yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho QSDĐ ngày 04/5/2017 do cụ Đ đã tặng cho ông T không được chấp nhận.

Như phân tích trên, phần đất cụ Đ tặng cho ông T là phù hợp quy định của pháp luật, ông T đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ đối phần đất được cho, nên không có căn cứ xác định phần đất này là di sản của cụ Đ, do đó yêu cầu của các đương sự về việc yêu cầu phân chia thừa kế phần đất này không được chấp nhận.

Đối với kháng cáo của các đương sự yêu cầu phân chia đất không đồng ý chia giá trị đất, xét thấy hiện tại các đương sự đều đã có chỗ ở ổn định và có đất canh tác, phần diện tích đất các đương sự được phân chia là đất nông nghiệp có diện tích không lớn, nếu phân chia diện tích đất thì việc sản xuất manh mún, hiệu

suất không cao, nên án sơ thẩm phân chia giá trị đất là phù hợp, do đó kháng cáo của các đương sự về vấn đề này không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của ông C về việc không đồng ý giao kỷ phần thừa kế của mình cho ông T, HĐXX nhận thấy quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm ông đã có ý kiến thể hiện ông đồng ý cho phần kỷ phần của mình cho ông T, án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của ông về việc tặng cho này, hơn nữa quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm nêu có yêu cầu phân chia thừa kế thì ông có nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí theo quy định, và không ảnh hưởng đến thời hạn xét xử của cấp sơ thẩm, cấp sơ thẩm xét xử trên sự tự nguyện của ông về việc cho kỷ phần của ông cho ông T, việc cho đó đã hoàn thành nên kháng cáo của ông không được chấp nhận.

Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên tòa kiến nghị hủy án sơ thẩm là chưa phù hợp với nhận định nêu trên của HĐXX. Tuy nhiên phần Quyết định của án sơ thẩm có sự lập đi lập lại dài dòng, nên HĐXX điều chỉnh lại cho ngắn gọn dễ hiểu hơn.

[4] Án phí phúc thẩm: Bà N, ông C được miễn nộp, bà N4, bà K, phải chịu theo quy định tại điều 148 Bộ luật TTDS.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét đến.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của các ông bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị K và Nguyễn Văn C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 347/2025/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cà Mau. *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N và một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N2 và bà Nguyễn Thị K.

Xác định phần đất diện tích 12.709,7m<sup>2</sup> (loại đất trồng lúa - LUC), thuộc thửa 710 và một phần thửa số 537, tờ bản đồ số 01, bản đồ chỉnh lý năm 2022, tọa lạc tại ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau) là di sản của cụ Nguyễn Hữu N3 và cụ Trần Thị Đ. Hiện ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Tuyết M đang quản lý sử dụng. Giao phần đất này cho ông T và bà M tiếp tục quản lý sử dụng và được quyền liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật (*kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 14/3/2025 của Công ty TNHH P1*).

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Tuyết M có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị K giá trị bằng tiền mỗi người bằng 125.281.000 đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu hai trăm tám mươi một nghìn đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N và một phần yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị N2 và bà Nguyễn Thị K về việc yêu cầu chia

thừa kế theo pháp luật đối với phần đất và tài sản gắn liền với phần đất có diện tích 14.745m<sup>2</sup>, gồm các thửa số 350, diện tích 7.000m<sup>2</sup> (đất ở 300m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm 6.700m<sup>2</sup>); Thửa số 349, diện tích 4.442m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm); Thửa đất số 351, diện tích 3.303m<sup>2</sup> (đất trồng cây lâu năm), đều thuộc tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (nay là ấp K, xã K, tỉnh Cà Mau). Hiện tại các thửa đất này ông T đều đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

**3. Về chi phí tố tụng:** Bà Nguyễn Thị N phải chịu số tiền 7.200.920 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn chín trăm hai mươi đồng), bà đã nộp xong.

Buộc bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị K (*Mỗi người*), và vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Tuyết M (*Hai người*) hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 7.200.920 đồng (Bảy triệu hai trăm nghìn chín trăm hai mươi đồng).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì người phải còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.*

#### **4. Về án phí dân sự:**

- Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N được miễn nộp.

Bà Nguyễn Thị N2 và bà Nguyễn Thị K mỗi người phải nộp số tiền 6.264.000 đồng, cùng ngày 08/9/2025 mỗi người đã dự nộp 500.000 đồng, tại các lai thu 0011718 và 0011717 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ mỗi người phải nộp tiếp số tiền 5.764.000 đồng (Năm triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Tuyết M phải nộp số tiền 24.045.000 đồng (Hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn C được miễn nộp và miễn dự nộp. Bà Nguyễn Thị K và Nguyễn Thị N2 mỗi người phải chịu 300.000đ, ngày 28/11/2025 mỗi bà đã dự nộp 300.000đ tại các lai thu số 0005505, 0005504 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân KV 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS KV 3 – Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ninh Quang Thế**

